

GIAO THOA VĂN HÓA VIỆT - HOA - KHMER Ở HÀ TIÊN QUA KIẾN TRÚC NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

HA TIEN'S CROSS-CULTURAL COMMUNITY OF VIETNAMESE, CHINESE
AND KHMER PEOPLE THROUGH ITS ARCHITECTURE LANDSCAPES

*Nguyễn Bá Long**

Nằm ở eo biển Tây - Nam tận cùng Tổ quốc, từ vùng đất hoang vu, kể từ khi Mạc Cửu (1655-1735) đến đây khai ấp lập trấn (1708), trải qua hơn ba thế kỷ, bằng mồ hôi và xương máu của bao thế hệ cư dân mở mang - gìn giữ, Hà Tiên trở thành miền biên ải trù phú, sơn thủy hữu tình - xứ sở của thơ ca nhạc họa, nức tiếng một thời với Tao đàn Chiêu Anh Các. Tìm hiểu đời sống cư dân nơi đây qua kiến trúc nhà ở và các công trình tôn giáo - tín ngưỡng, chúng tôi thấy đã có sự giao lưu, hòa hợp văn hóa của ba dân tộc Việt - Hoa - Khmer. Có thể gọi đó là giao thoa văn hóa rất cần được bảo tồn theo nghĩa tích cực. Túc bảo tồn nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và góp phần phát triển du lịch văn hóa - một trong những thế mạnh nổi bật của Hà Tiên, nhất là khi Hà Tiên được nâng lên thành phố trực thuộc tỉnh Kiên Giang (2018). Đương nhiên, trong bối cảnh này một số loại hình văn hóa bị biến thái, kể cả tôn giáo - tín ngưỡng, việc di sản kiến trúc trên đất Hà Tiên đang giúp lớp trẻ nhận thức đúng đắn, hành xử đúng mực, như chúng tôi nghĩ, cũng là điều khả dụng và cần thiết.

1. Kiến trúc nhà ở

Thành phố Hà Tiên có địa hình khá đa dạng và tương đối đặc biệt với đồi núi, hải đảo, phần đất liền nằm ven biển, ít kinh rạch, do đó địa bàn cư trú, cách kiến trúc nhà ở cũng có nét riêng so với vùng đồng bằng sông Cửu Long hay Kiên Giang nói chung. Về đặc điểm dân cư, Hà Tiên là nơi sinh sống của cả ba dân tộc Kinh, Hoa, Khmer nên kiến trúc nhà cửa của cư dân ở đây đã có sự kết hợp, pha trộn giữa truyền thống kiến trúc của ba dân tộc này. Từ thời khai mở, nhân dân các nơi tụ họp về đây sinh sống có một số lượng khá nhiều sống tại trung tâm trấn lỵ (nay thuộc nội ô thành phố Hà Tiên) tham gia vào việc kinh doanh, mua bán và khai thác hải sản. Một bộ phận khá lớn sống dọc theo ven biển, chân đồi. Riêng người Khmer thường sống gần bó với đất đai canh tác. Sau những biến thiên của thời cuộc, nhất là từ đầu thế kỷ 20 đến nay, tập quán cư trú, kiến trúc nhà cửa có sự thay đổi cho phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của xã hội.

• Nhà ở người Việt

Nhà của người Việt ở Hà Tiên phổ biến đều cất nổi các gian theo chiều dọc. Tức có nhà trước, nhà sau hoặc nhà trên, nhà dưới (nhà hai nóc). Theo truyền thống, “nhà trước” là không gian thờ phượng, tiếp khách và có phòng ngủ. Nhà sau là bếp, nơi chế biến thức ăn

* Tiến sĩ, Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.

đồng thời cũng là phòng ăn. Ngày xưa, người Hà Tiên không có nhà vệ sinh trong nhà. Đối với bộ phận làm nghề khai thác hải sản (hạ bạc) thường cất nhà ven bờ nước để tiện việc neo đậu ghe xuồng, có nhà trên nằm trên đất liền mặt hướng ra đường bộ, nhà dưới (hay nhà sau) là nhà sàn de ra mặt nước. Chức năng của nhà trước, nhà sau cũng giống như các nơi khác. Hiện nay, nhà ở của người Việt hầu hết đều là nhà phố, ven đường, có kiến trúc cơ bản, hiện đại, nhưng chức năng của không gian trong nhà không thay đổi.

● *Nhà ở người Khmer*

Đặc điểm cư trú của người Khmer ở Hà Tiên là sống gắn bó với đất sản xuất, không thành xóm nhà tập trung mật độ cao. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, người Khmer cũng ra ở ven đường để tiện việc kinh doanh. Do đặc điểm định cư ở ven chân núi hoặc trên gò cao tự đắp nên hầu hết nhà ở của người Khmer đều nền đất. Đơn giản nhất là nhà một gian, rộng hơn thì có nhà hai gian, ba gian, có thêm chái. Hầu hết nhà của người Khmer không tôn trí bàn thờ tổ tiên như người Kinh hay người Hoa.

● *Nhà ở người Hoa*

Người Hoa ở Hà Tiên phần lớn là người Triều Châu có hai bộ phận, một số chuyên kinh doanh ở chợ búa, một bộ phận gắn với nông nghiệp, vườn tược. Bộ phận sống ở chợ thường ở nhà phố liền vách, có lầu. Mặt trước (gian trước) dùng để kinh doanh. Tuy nhiên có một số người Hoa giàu có cũng xây dựng nhà lớn (như Đại Tân, Má Chín Ên, Gái Đen, Tân Thái,...) vừa kinh doanh mua bán, vừa để ở. Bộ phận người Hoa gắn với đất đai, vườn tược cất nhà cũng như người Việt nhưng có phần kín đáo hơn, bày trí trong nhà cũng có phần khác biệt, thường nhà có chiều ngang rộng (nhà ba căn - bốn vì kèo). Nhà người Hoa lai ở Thuận Yên gắn với vườn trên núi cất nhà ở chân núi, mặt hướng ra đường cái (hướng biển) hay có thảo bạt và phen chắn gió. Bày trí trong nhà gần giống như người Việt, gian trước là bàn thờ (bàn thờ chính thờ Ông Bồn), thường tiếp khách ngoài hàng ba hoặc thảo bạt.

● *Về vật liệu*

Vào thời kỳ đầu khai mở, ngoài những công trình dinh thự, người dân tại trấn lỵ Hà Tiên sử dụng vật liệu xây cất nhà của chủ yếu là cây, lá. Đối với những gia đình có điều kiện thì sử dụng các loại gỗ tốt như cẩm xe, dầu làm cột, kèo, đóng vách ván và lợp bằng ngói. Còn những gia đình lao động ở vùng ven thì dùng cột tràm và những loại gỗ thường khác, dùng vách bằng lá, lợp lá. Lá lợp nhà và dùng vách chủ yếu dùng lá dừa nước. Tàu dừa nước xé ra làm hai, sắp lại phơi cho tương đối khô rồi lợp. Nếu kỹ, mái nhà lợp dày thì có thể sử dụng đến 5 năm chưa phải lợp lại. Còn dùng vách cũng dùng lá tàu xé xếp đứng và khít sít, nẹp lại chắc chắn cũng có thể sánh ngang với vách ván.

Đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khu vực trấn lỵ (thuộc phường Đông Hồ ngày nay) đã có một số công chức, người giàu có xây nhà bằng gạch, đá, xi măng theo kiểu dáng Tây. Còn người dân lao động làm nghề hạ bạc và nông dân vùng ven vẫn còn làm nhà bằng cây lá. Riêng nhà lợp mái ngói (kiểu vẩy cá hay âm dương) xuất hiện ở Hà Tiên khá sớm

(khoảng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20). Nhưng số lượng không nhiều (nay vẫn còn đôi ba căn ở phường Đông Hồ). Ngày nay, nhìn chung, về nhà ở (kể cả ăn, mặc,...), ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer sống trên đất Hà Tiên cho đến nay gần như đã giao thoa nhau. Chỉ cách bày trí trong nhà là còn khác nhau đôi chút. Chẳng hạn:

- Với người Kinh, gian nhà trước, sát vách chính diện đặt tủ thờ gia tiên, dưới đặt bàn thờ Ông Địa và Thần Tài, giữa có bộ bàn ghế tiếp khách. Phía vách gần cửa chính thường kê một bộ ván dầy, khổ lớn, bào nhẵn (dân gian quen gọi “bộ ngựa”), khách đàn ông có thể ngồi nhậu và nghỉ ngơi trên đó. Bên hông phải hoặc trái là lối đi vào các gian trong (thường bố trí làm các phòng ngủ). Gian sau cùng cũng là nơi sinh hoạt thường nhật của gia đình, bao gồm kệ bếp (có bàn thờ ông Táo), phòng ăn; diện tích rộng hay hẹp tùy số lượng nhân khẩu và điều kiện kinh tế của từng nhà.

- Với người Hoa, cách bày trí của họ có phần giống người Kinh. Sát vách chính diện cũng đặt bàn thờ gia tiên, cạnh cửa đi vào nhà sau thờ Ông Địa, ông Thần Tài. Khác là, trên vách chính, bên trái thờ Quan Công, bên phải thờ Phật Bà Địa Mẫu. Xung quanh vách phòng khách họ thường treo những bức tranh sơn thủy hoặc điển tích ở bên Trung Quốc. Nhà người Hoa, từ phòng khách ra phía sau thường có hai lối đi: Bên trái (có cánh cửa) là lối đi vào phòng ngủ dành cho chính chủ, tài sản quý cũng để ở đây. Bên phải là lối đi vào các gian nhà sau, qua các phòng ngủ đến bếp, phòng ăn. Người Hoa cũng quan niệm cất nhà nở hậu như người Việt.

- Với người Khmer, nội thất phần trước được ngăn ngang, phần phòng khách giống như người Kinh và người Hoa. Khác là, người Khmer thờ ông bà cha mẹ hay thần phật đều gửi ở chùa, thờ ông Tà thì cất một cái am/miếu nhỏ ở phía ngoài (thường dưới gốc cây), để vài viên đá cuội tượng trưng trong đó. Nhà người Khmer thường treo tranh cổ tích, hầu hết là về Phật giáo. Phía sau phòng khách là các phòng ngủ dành cho các thành viên trong gia đình. Nổi liền gian nhà lớn là gian nhà nhỏ dùng làm bếp, kho chứa, nhốt cả gia súc. Có nhà thì che chái cặp vách buồng ngủ để nuôi heo, gà, vịt...

2. Kiến trúc công trình tôn giáo, tín ngưỡng

Bên cạnh nhà ở, Hà Tiên đặc biệt ghi dấu ấn với kiến trúc chùa chiền, đình miếu. Hà Tiên có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng chỉ trong một địa bàn hẹp. Phần lớn các ngôi chùa, đình, miếu, đền thờ ở Hà Tiên như chùa Tam Bảo, chùa Phù Dung, chùa Thiên Trúc (chùa Phật Lớn), chùa Phật Đà (chùa Lò Gạch), chùa Năm Ông (miếu Quan Thánh Đế Quân), đình thần Thành Hoàng... đều pha trộn kiến trúc Hoa và Kinh, sau này các hạng mục trùng tu xây mới còn pha lẫn thêm kiến trúc của chùa khu vực Đông Bắc Á.

▪ **Đình thần Thành Hoàng** được xây vào năm 1835, ban đầu gọi là Miếu Hội Đồng, lợp cỏ tranh, là nơi thờ tự linh thần theo tín ngưỡng dân gian. Đình bị phá hủy và xây lại nhiều lần do chiến tranh và nạn cướp phá của hải tặc. Đến năm Tự Đức thứ ba (1851) miếu được xây dựng lại lợp ngói, tường xây gạch thờ tam giới thần linh, và trở thành đình thần Thành Hoàng sau ngày tiếp nhận ân sắc của vua Tự Đức năm thứ 5 (1853).

Đình Thành Hoàng hiện hữu (hình), được dựng khoảng đầu thế kỷ XX, theo kiến trúc đình làng người Việt, kiểu chữ khẩu gồm ba gian: chánh điện – tả hiên – hữu hiên nối liền với tiền đình gồm một quần thể hình chữ khẩu. Mặt chính của đình quay về hướng Đông. Mái đình lợp bằng ngói âm dương, vách xây bằng đá, nền đất lót gạch tàu, có tổng cộng 24 cột gỗ tròn, được chia làm 6 hàng, cột thuộc loại gỗ căm xe, chân cột được kê bằng đá tảng không chạm trổ. Các cột không có liễn đối, chỉ có hai bức hoành phi. Trong đình có những bức bích họa vẽ trên tường cùng với những bài thơ chữ Hán ca ngợi những cảnh đẹp Hà Tiên.

▪ **Miếu Quan Thánh Đế Quân** nằm trên đường Mạc Thiên Tích, do người Hoa sinh sống lâu đời tại đây lập nên năm 1736. Miếu còn được gọi là chùa Năm Ông vì nơi đây có bàn thờ năm vị thần quen thuộc trong văn hoá người Hoa. Kiến trúc miếu đơn giản theo hình chữ khẩu, ở giữa có giếng trời chia tách chính điện thành hai gian tách biệt. Phía trước gian đầu bỏ trống để làm nơi tiếp khách, cuối gian có bàn thờ Thiên Hậu nương nương. Giữa khoảng giếng trời có đặt một đỉnh cắm hương lớn. Hai dãy hành lang tiếp nối giữa gian đầu và gian sau là nơi thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền. Gian sau là bàn thờ chính. Ở giữa đặt một khánh thờ lớn chạm trổ tinh xảo, sơn son thếp vàng, bên trong là tượng Quan Thánh Đế Quân (Quan Công), bên phải là tượng Châu Xương, bên trái là tượng Quan Bình. Hai bên khánh thờ có đặt hai giá bình khí lớn. Ở các cột và phía trên mái giữa các hàng cột là các hoành phi, liễn ca ngợi nghĩa khí của Quan Công. Hai bên bậc tam cấp có hai con kỳ lân. Hai bên vách phần hiên có hai bức tranh giám mã đắp nổi. Miếu không những là một di tích lịch sử mà còn là một trong những dấu tích ít ỏi còn lại được xây dựng từ thế kỷ 18 của Hà Tiên.

▪ **Khu lăng mộ dòng họ Mạc** ở núi Bình San có lăng Mạc Cửu (hình), thành viên gia đình dòng họ cùng các tướng lĩnh, tổng cộng có 45 ngôi mộ, xung quanh có những bức tường kiên cố. Ngôi mộ lớn nhất của Mạc Cửu được xây dựng theo lối kiến trúc Trung Hoa dành cho tiểu vương chư hầu, hình bán nguyệt, chỗ chôn hài cốt đúc vôi và nhựa cây ô dước ra dáng con trâu nằm (thế tọa ngư), tả có thanh long, hữu có bạch hổ. Bậc thềm căn bằng đá xanh Quảng Tây, nhiều tầng đá dài hơn 3m. Trên đỉnh núi còn vết tích của nền Xuyên Sơn và nền Xã Tắc là nơi các quan đứng đầu trấn Hà Tiên thời phong kiến làm lễ tế Trời đất và các chiến sĩ chết trận hàng năm theo tục lệ. Từ mộ Mạc Cửu trông ra, phía trước có núi Tô Châu và Đông Hồ, lưng tựa vào vách núi hình vòng cung vững chãi, bên trái là núi Bát Giác, bên phải là núi Kim Dự. Quang cảnh biển, trời, mây, nước tạo thành một bức tranh phong thủy hữu tình. Từ mộ Mạc Cửu đi xuống triền núi theo lối mòn là các mộ phần của gia đình và tướng tá dòng họ Mạc. Hiện nay lối đi lên mộ Mạc Cửu đã được nâng cấp, tráng xi măng khang trang.

▪ **Đền thờ họ Mạc** được xây dựng ngay dưới chân núi, kiến trúc khép kín theo lối “nội tam ngoại quốc”. Đền có tên gọi là Trung Nghĩa Từ, dân địa phương quen gọi là miếu Ông Lịnh. Ngôi đền, ngoài giá trị lịch sử, nó còn là một công trình có giá trị nghệ thuật cao, bởi cách bố trí hài hòa và lối chạm trổ tinh vi, sắc sảo. Chất liệu xây dựng là đá mịn, sỏi, đường thốt nốt và nhựa cây ô dước. Năm 1771, đền bị quân Xiêm phá gần hết, được xây lại lần thứ

hai vào năm 1802-1820. Lần xây thứ ba được hoàn thành vào năm 1895 và kiến trúc được bảo tồn đến ngày nay. Đền có ba lớp cửa vào: lớp thứ nhất là Nghi Môn, phía trên có ba chữ “Mạc Công Miếu” đắp nổi, sơn đen. Qua khoảng sân nhỏ là một nhà nghỉ chân hình vuông gọi là phương đình có tên Lạc Thiện hội quán. Sau phương đình là khoảng sân thứ hai. Bên trái và phải của khoảng sân này là hai nhà nghỉ dành cho khách thập phương. Cuối sân là lớp cổng thứ ba để vào căn nhà chính được gọi là bái đình. Vào bái đình có ba cổng, cổng chính nối với hai cổng phụ bằng bờ tường vây. Trước đền thờ ngày xưa là ao lớn hình bán nguyệt nở đầy hoa sen mà trước kia Mạc Cửu cho đào để lấy nước ngọt cho dân trong vùng dùng trong mùa khô hạn. Ngày nay ao được mở rộng thành hình chữ nhật. Bên trong cổng là một khoảng sân rộng cùng nhiều cây xanh. Bên trong chính điện, bàn thờ ở giữa thờ bài vị của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích, Mạc Tử Hoàng. Bên phải là bàn thờ các quan văn, quan võ dưới thời họ Mạc, bên trái là bàn thờ các phu nhân của dòng họ. Trong đền hiện còn lưu giữ bài văn tế “Mạc Lệnh Công Thánh đàn tế văn” do Tri phủ An Biên Nguyễn Hữu Lập soạn năm 1847, bản nhật lệnh của Long Hồ tướng quân Trần Hữu. Tại chánh điện đền có một biển thờ đề bốn chữ “Khai trấn trụ quốc” là lời tuyên dương của nhà Nguyễn trước công đức mở mang bờ cõi của dòng họ Mạc.

▪ *Chùa Tam Bảo*

Chùa do chính Tổng binh Mạc Cửu lập vào năm 1730 để mẹ ông tu hành lúc cuối đời. Ngôi chùa xưa đã hỏng, chỉ còn dấu vết ở các bờ tường bao dày khoảng 20cm, cao hơn 2 mét, xây bằng đá tảng chồng lên nhau, gắn bằng vữa gồm vôi, mật, đường, nhựa cây ô dước, có thể coi đây như dấu tích kiến trúc cổ còn sót lại ở Hà Tiên (xem phụ lục). Chùa đã được trùng tu nhiều lần, nhưng ở điện Phật vẫn còn pho tượng A Di Đà bằng đồng cao 2,3m (tính luôn bệ) và một đại hồng chung từ xưa để lại. Kiến trúc chùa hiện nay do hòa thượng Phước Ấn, dòng Lâm Tế đời thứ 40 cho xây dựng vào năm 1930. Tổng diện tích chùa khoảng 2000 m². Tam quan của chùa cao và to, trên đỉnh nóc cổng có vòng bánh xe luân hồi. Hai bên cổng có câu đối “Nhất trần bất nhiễm bồ đề địa/ Vạn thiện đồng quy bát nhã môn” (Cõi bồ đề không nhiễm một hạt bụi trần/ Cửa bát nhã hội tụ vạn điều lành). Bên trái cổng là ao nước, dân thường gọi là “ao Tam Bảo”. Đường vào chùa được lát xi-măng bằng phẳng. Ở sân trước có bảo tượng Quan Thế Âm lộ thiên cao 3m, tính cả đài sen, bằng thạch cao trắng. Nền chính điện lát gạch hoa. Trong khuôn viên sân sau chính điện có ngôi tháp ba tầng tương truyền là tháp sư tổ của chùa. Cả chính điện và nhà sau đều lợp ngói mới. Cuối sân sau chùa là căn nhà ngói rêu phong thấp nhỏ.

Chùa Phù Dung hiện nay ở núi Phù Dung nằm trong dãy núi Bình San (hình), được xây cất năm 1846. Chùa gồm một phần sân và hai phần thờ cách biệt. Phần sân có một đài cao, trên đài là một pho tượng Phật Quán Thế Âm cao lớn bằng xi măng, tô trắng được xây sau này. Kế đến là ngôi chánh điện gồm ba gian, không quá rộng, kiến trúc đơn giản, mái ngói cong vênh ngược, trên có cả lưỡng long châu nguyệt và lưỡng long tranh châu. Trong chánh điện vẫn còn hai cột đá xưa, mà giám định khảo cổ cho biết niên đại khoảng năm 1750. Sau lưng chánh điện là một khoảng sân nhỏ, sau nữa là một tòa tháp hai tầng có tên

gọi Ngọc Hoàng Bửu Điện. Sau chùa có lối mòn dẫn đến ngôi mộ vị thứ thiếp của Mạc Thiên Tích.

▪ **Chùa Thạch Động** được xây dựng trong lòng hang núi Thạch Động từ giữa thế kỷ 18, được tu sửa nhiều lần. Chùa chia làm 2 phần, lấy vách đá làm tường, ở giữa hang xây bàn thờ bằng gạch và xi-măng, những phần cấu trúc và vật gỗ cũng chạm trổ. Mái chùa là nóc động hòa hợp cảnh tự nhiên trong hang. Các tượng và đồ thờ cúng đều có niên đại từ rất xưa khoảng cuối thế kỷ 19. Phía trên cổng chùa có chữ Hán “Tiên Sơn Động”.

▪ **Chùa Phật Đà**, còn có tên dân gian là Chùa Lò Gạch, là một trường hợp kiến trúc đặc biệt của đất Hà Tiên. Vốn xưa kia dưới chân núi Bình San có một lò gạch bỏ hoang. Năm 1945, hòa thượng Thích Chí Hòa dừng chân tại Hà Tiên, lập ngôi chùa nhỏ, sử dụng lò gạch này làm chính điện để thờ Phật. Sau này, chùa được mở rộng xây thêm rất nhiều hạng mục khác mang màu sắc kiến trúc chùa Đông Bắc Á với các tòa nhà hình khối vuông vức đơn giản, màu sắc nhạt và trầm như xám, nâu, đen, nhưng kiến trúc đặc biệt của điện thờ lò gạch vẫn được bảo tồn. Tường bao bên ngoài chính điện lò gạch được xây bằng những viên gạch thô, không gian bên trong điện tuy hẹp nhưng hun hút cao nhờ vào mái vòm của lò gạch, tạo nên chiều sâu cho điện thờ. Vách tường quét sơn nhũ vàng, có ba dãy bài vị song song như tỏa ra từ tượng Phật thờ trong điện, nhiều bức phù điêu hình Phật được gắn xen kẽ trên vách.

Ngoài các công trình tín ngưỡng, tôn giáo mang kiến trúc Hoa - Việt, ở Hà Tiên còn có những công trình mang dáng dấp kiến trúc Khmer.

▪ **Chùa Xà Xía** được xây dựng hoàn toàn theo phong cách kiến trúc của người Khmer Nam Bộ với màu sắc rực rỡ. Mái chùa tam giác nhiều lớp, trên có nhiều tháp nhọn đẹp mắt nối tiếp nhau, diềm mái trang trí hoa văn nổi vươn lên trời cao. Chánh điện hình chữ nhật, có hàng cột trụ dài thẳng tắp. Phía đầu trên mỗi cột trụ có phù điêu hình nữ thần kâyno nửa người nửa chim nâng đỡ mái chùa. Biểu tượng rắn naga uốn lượn dẫn lên lối cửa chính điện. Trên thân cột và trên mỗi ô cửa dọc chánh điện đều có trang trí hoa văn nổi đẹp mắt. Tuy nhiên, vào cuối thập niên 70 thế kỷ XX, trong cuộc chiến Biên giới Tây - Nam, quân Khmer đỏ tấn công sang bắn phá. Ngôi chùa bị tàn phá nghiêm trọng, nay trở thành chứng tích chiến tranh.

Sau này, nhân dân xã Mỹ Đức đã xây dựng lại chùa cách xa biên giới, nằm trên đường thạch Động ra Mũi Nai khá khang trang, đẹp đẽ.

▪ **Chùa Thiên Trúc**, ngôi chùa cổ xưa bậc nhất Hà Tiên, qua nhiều lần bị phá hủy và xây lại đã thể hiện sự giao thoa, kết hợp nhiều nét kiến trúc khác nhau. Nằm ở chân núi Đề Liêm, đây là ngôi chùa Nam Tông cổ nhất Hà Tiên, tương truyền được thành lập từ trước khi dòng họ Mạc khai phá vùng đất này. Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu để có kiến trúc giao thoa như ngày nay. Ngay từ cổng chùa đã thấy rõ sự giao thoa này. Trên mái cổng có ba chóp trên mặt phẳng mô phỏng dáng mái vòm củ hành vốn thường thấy trong kiến trúc của các đền thờ Hồi giáo. Ở hai chóp hai bên có hình bánh xe luân hồi, chóp ở giữa có hình đức Phật trong chùa. Cổng chùa mô phỏng hai tầng mái của cổng chùa truyền thống người

Việt và hai bên trụ cổng có hai câu đối, vốn là truyền thống của kiến trúc Hoa và Việt. Từ cổng chùa có con đường rộng, thẳng, dài, dẫn vào trong sân chùa. Chính điện hình chữ nhật, mái bằng, phía trên mái phần mặt tiền có mô hình phẳng hai chiều hình mái vòm củ hành, xen kẽ với các mô hình nổi ba chiều chóp nhọn thường thấy trong các chùa Khmer và búp sen hồng trong các chùa người Việt. Bên trên mái bằng của chánh điện lại nhô lên một phần mái hình vòm của kiến trúc đền thờ Hồi giáo, xung quanh mái vòm có các cửa chớp nhỏ. Phía sau chánh điện là hậu tổ trai đường xây bằng gạch kiên cố, với mái cong hai tầng theo kiểu chùa người Việt.

▪ **Mộ Mạc Mi Cô (Bà Cô Năm):** Mộ nằm phía tây chân núi Bình San, cách cửa bể Tô Châu chừng hơn một km, cạnh lũy Bờ đồn nhỏ (nay là đường Mạc Công Nương), tách hẳn ra ngoài khu Lăng mộ dòng họ Mạc. Ẩn dưới rừng cây quanh năm xanh tốt, ngôi mộ Mạc Mi Cô đắp bằng ô dước, hình vòng cung theo kiểu mộ người Hoa xưa. Diện tích ban đầu không lớn, vòng cung không rộng chứng tỏ người nằm dưới mộ cũng thường thường như bao người khác, không chức tước, công trạng gì với đất nước để sử sách lưu danh. Trước mộ là bia số 43 ghi “Tiểu thư Mạc Mi Cô mộ”, hai bên có đôi hạc vừa phải. Theo gia phả họ Mạc, con trai Mạc Thiên Tích xưng “cậu” (Mạc Tử Hoàng - Cậu Ba, Mạc Tử Từ - Cậu Tư,...); con gái xưng “bà cô”: Mạc Thị Trạm - Bà Cô Ba, Mạc Thị Liên - Bà Cô Tư, Mạc Mi Cô - Bà Cô Năm. Mạc Mi Cô mất năm Quý Mùi (1763), khi mới 14 tuổi. Tức mất giữa độ tuổi thiếu thời, trên bia mộ ghi “Tiểu thư” là đúng. Điều này bác bỏ lời đồn đại cho rằng Mạc Mi Cô lia đời ngay khi vừa thoát khỏi bụng mẹ như một quái thai. Vấn đề là, so với các mộ khác của dòng họ Mạc từ thời khai ấp mở trấn, mộ và miếu thờ Mạc Mi Cô (quen gọi Bà Cô Năm) đã có sự thay đổi rất nhiều theo hướng ngày càng quy mô, bề thế. Sang thế kỷ XXI, từ ngôi miếu (trước mộ không xa) khiêm tốn nơi chân đồi thoải thoải được nâng lên thành ngôi đền hoành tráng, nằm trọn trong khu công viên rộng lớn, hàng ngày khá đông người bốn phương đến đây cúng kiếng, cầu may, có lẽ chỉ sau Bà Chúa Xứ ở An Giang. Có được như vậy, theo chúng tôi là do truyền ngôn dân gian. Người ta đồn ngôi mộ rất linh, xin gì được nấy, thù dệt Mạc Mi Cô với nhiều huyền bí, thiêng hóa. Có lẽ bởi thế mà tên gọi “Bà Cô Năm” cũng từ đây mà ra. Còn cách giải thích của Trương Minh Đạt: *“Tuy Mạc Mi Cô chết khi còn nhỏ, nhưng để tỏ lòng tôn kính, người ta vẫn gọi ‘Bà Cô Năm’.* Cũng như trong lịch sử Việt Nam có cậu bé làng Phù Đổng, chỉ mới mấy tuổi vẫn được gọi ‘Ông Thánh Gióng’” [2, tr.252], là khiên cưỡng, không thuyết phục. Đặt trường hợp gần như mê tín này bên cạnh một trong những Tứ bất tử - sản phẩm của đỉnh cao trí tưởng tượng mang nghĩa biểu trưng về khí phách dân tộc, có thể nói phi khoa học, khó chấp nhận. Theo chúng tôi, cái thời thần quyền ngự trị, vô số người dân, có thể do một số trùng hợp ngẫu nhiên nào đó mà họ “thiên hóa” mọi thứ: gốc đa, tảng đá, ụ mồi, rắn, kẻ ăn mày vùi thân bên đường,... Tiếp thêm lời đồn thổi bằng truyền khẩu là sách báo, văn tự,... Ngay cả sách *Nàng Ái Cơ trong chầu úp* của nữ sĩ Mộng Tuyết (NXB Bốn phương, Sài Gòn, 1961) cũng xuất hiện nhiều yếu tố hoang đường về nàng tiểu thư đoạn mệnh Mạc Mi Cô. Khi đã thành địa chỉ “linh hóa” để nhiều người đến đó cầu khẩn (nhiều nhất là những phụ nữ trắc trở tình duyên, gặp chồng phụ bạc), khu mộ Bà Cô Năm nghiêng hẳn sang địa hạt

tâm linh, còn kiến trúc xưa thì ít người để ý. Đồng thời nơi đây cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro của sự biến thái từ tín ngưỡng sang mê tín dị đoan, thu tiền trục lợi. Các cấp chính quyền sở tại và Sở Văn hóa - Thông tin Kiên Giang chắc chắn không thể lơ là, không giao khu đền thờ này cho tổ chức Phật giáo quản lý.

KẾT LUẬN

Xuyên suốt lịch sử dựng xây và bảo vệ, cư dân Hà Tiên đã hình thành sự giao thoa văn hóa truyền thống giữa các dân tộc Việt - Hoa - Khmer. Trong đó, lắng lọc lại, có không ít tinh hoa đã trở thành “hồn cốt” của thành phố Hà Tiên (Kiên Giang) thời hội nhập và phát triển. Nội ở mảng kiến trúc, sự giao thoa văn hóa không chỉ đem đến cho Hà Tiên dáng vẻ trầm mặc bởi những căn nhà cổ, những đình chùa, lăng miếu xa xưa, mà còn trầm tích trong đó nhiều truyền ngôn đậm sắc màu tôn giáo - tín ngưỡng. Cho đây như tiềm năng, thế mạnh để Hà Tiên ngày nay khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả di sản văn hóa mà tiền nhân để lại, phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nâng cao mức sống của người dân,... là hoàn toàn có thể, nằm trong tầm tay của chính quyền địa phương. Bởi nhìn đi nhìn lại, tính tới tính lui, phát triển kinh tế trên đất Hà Tiên không gì lợi thế hơn ngành công nghiệp không khói. Bao nhiêu công trình kiến trúc cổ, từ nhà ở đến lăng mộ, miếu mạo, chùa chiền,... giá trị tổng thể của nó không dừng ở giao thoa văn hóa, mà thực tiễn hơn là đánh thức nó, tích hợp nó vào trong các gói *Du lịch - văn hóa*, đáp ứng và làm thỏa mãn nhu cầu của du khách bốn phương mỗi dịp về Hà Tiên thưởng ngoạn. Được như vậy thì mới đúng nghĩa khi gọi văn hóa “là nền tảng, mục tiêu và nhân tố của phát triển”. Trong thực tế, vấn đề này đã và đang tích cực được kết nối; ở một chừng mực nhất định cũng tỏ ra khai thác có hiệu quả. Tuy nhiên, chưa thể nói du lịch văn hóa trên đất Hà Tiên đạt đẳng cấp chuyên nghiệp như du lịch bên đất nước chùa tháp cách đây không xa. Khép bài viết, chúng tôi có mấy đề xuất sau đây:

- Thứ nhất, các nhà chức trách ở địa phương phải thực sự am tường những công trình kiến trúc trên đất Hà Tiên mang trầm tích văn hóa. Từ đó, mà tính toán duy tu bảo tồn, đảm bảo giữ cho được hồn cốt và dấu tích khởi thủy. Xóa sổ hay xây mới, làm cho “hoành tráng” các di tích, tức đồng nghĩa tàn phá văn hóa.

- Thứ hai, hiện Hà Tiên, hàng ngày lượng người bốn phương vào chùa chiền, lăng mộ, miếu thờ,... để nhang khói - cầu nguyện khá đông (dịp lễ hội rất đông). Lễ vật thường hoa trái, vàng mã, chưa xuất hiện dấu hiệu trục lợi bằng tôn giáo - tín ngưỡng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các giải pháp ngăn ngừa mọi biến thái đều phải tính sẵn, tránh bị động, lúng túng.

- Thứ ba, về mặt nhà nước, quản lý các công trình kiến trúc thuộc cơ quan văn hóa các cấp. Bên cạnh đó, trong chừng mực nhất định, tham gia quản lý còn có tổ chức Phật giáo, con cháu dòng họ Mạc. Do vậy, rất cần có sự hài hòa trách nhiệm giữa các bên, chính quyền vừa tôn trọng tự do tín ngưỡng vừa tỉnh nhạy chống mê tín dị đoan, tăng cường hiệu lực pháp luật, không để xảy ra “sự cố” xấu như một số địa phương khác ở miền Bắc, đầu 2019.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
2. Trương Minh Đạt (2016), *Nghiên cứu Hà Tiên: Họ Mạc với Hà Tiên*, NXB Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Hà Tiên*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đông Hồ (1999), *Văn học Hà Tiên*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nhiều tác giả (2009), *Bảo tồn và phát triển di sản văn hóa Hà Tiên* (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học), Công ty Cổ phần in Đông Dương ấn hành.